

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DNPNT
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		887.692.953.636	740.946.496.883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	62.647.000.072	212.146.243.133
1. Tiền	111		62.647.000.072	97.146.243.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	115.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	316.706.972.904	291.457.840.093
1. Đầu tư ngắn hạn	121		318.961.028.707	296.518.665.960
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		(2.254.055.803)	(5.060.825.867)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		334.627.812.961	108.786.773.741
1. Phải thu của khách hàng	131		125.725.274.018	146.579.981.392
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	59.893.490.310	79.308.118.449
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	65.831.783.708	67.271.862.943
2. Trả trước cho người bán	132		2.256.002.413	1.379.731.256
4. Các khoản phải thu khác	136	9	247.358.402.527	1.407.535.642
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139	10	(40.711.865.997)	(40.580.474.549)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.860.780.658	10.345.595.357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	12.188.394.528	9.407.640.509
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		10.747.126.310	8.692.614.003
1.2. Chi phí trả trước chưa phân bổ	151.2		1.441.268.218	715.026.506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		81.512.423	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	17	590.873.707	937.954.848
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	160.850.387.041	118.210.044.559
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		66.541.797.366	69.978.903.204
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		94.308.589.675	48.231.141.355
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		216.678.757.722	240.841.347.151
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	9	9.110.097.112	7.179.875.928
4. Phải thu dài hạn khác	218		9.110.097.112	7.179.875.928
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7.000.000.000	6.000.000.000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		2.110.097.112	1.179.875.928
II. Tài sản cố định	220		6.909.152.982	5.088.927.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.834.237.316	4.967.416.617
- Nguyên giá	222		21.144.068.041	17.958.638.951
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.309.830.725)	(12.991.222.334)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	74.915.666	121.510.736
- Nguyên giá	228		1.310.350.000	1.310.350.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.235.434.334)	(1.188.839.264)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	197.563.640.069	227.990.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		197.563.640.069	227.990.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.095.867.559	582.543.870
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.095.867.559	582.543.870
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.104.371.711.358	981.787.844.034

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		592.715.810.774	465.943.377.723
I. Nợ ngắn hạn	310		591.760.174.918	463.717.296.947
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	67.000.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312		92.832.674.358	129.784.410.696
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	16	87.481.970.958	129.083.400.086
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		5.350.703.400	701.010.610
3. Người mua trả tiền trước	313		6.867.914.460	7.927.703.441
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	7.770.513.482	5.226.920.470
5. Phải trả cho người lao động	315		9.115.378.110	7.450.715.975
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	2.083.682.572	21.408.397.165
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	18	7.350.768.253	5.861.510.364
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		677.419.806	715.883.635
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	19	398.061.823.877	285.341.755.201
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		207.556.077.131	163.563.162.570
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		156.767.028.367	90.347.042.346
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		33.738.718.379	31.431.550.285
II. Nợ dài hạn	330		955.635.856	2.226.080.776
3. Phải trả dài hạn khác	333		51.000.000	1.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		904.635.856	2.225.080.776
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		511.655.900.584	515.844.466.311
Vốn chủ sở hữu	410	20	511.655.900.584	515.844.466.311
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		9.980.736.662	9.892.570.140
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.675.163.922	5.951.896.171
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.194.346.711.758	981.787.844.034

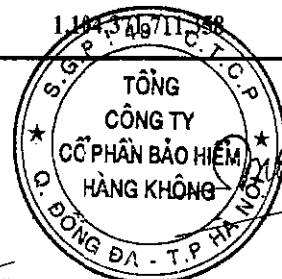
Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016

Nguyễn Hoàng Mai

Nguyễn Hoàng Mai
Kê toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2015 (Phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	75.604.704.591	47.761.919.955	195.511.023.259	137.885.182.948
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	10.165.248.840	11.021.323.233	31.522.846.185	34.796.590.676
4. Thu nhập khác	13	31.002.269	21.713.107	105.861.066	41.225.798
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	73.848.404.584	48.706.154.716	195.142.209.763	122.064.137.925
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	4.376.591.394	5.697.323.877	6.561.728.132	16.669.860.314
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	8.350.778.126	6.401.316.550	23.281.207.797	21.321.202.110
9. Chi phí khác	24	37.081.951	(50.975.352)	44.173.233	226.378.363
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	(811.900.355)	(1.948.863.496)	2.110.411.585	12.441.420.710
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(217.519.836)	(244.255.732)	347.081.141	2.911.090.150
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	(594.380.519)	(1.704.607.764)	1.763.330.444	9.530.330.560

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015 (Phân loại lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	1	21	113.712.661.384	94.458.315.333	304.112.058.389	273.120.996.777
- Phí bảo hiểm gốc	1.1		127.499.283.083	84.377.230.588	325.652.529.774	235.824.799.965
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2		8.477.470.776	5.386.661.074	22.452.443.176	21.204.172.469
- Tăng(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.3		22.264.092.475	(4.694.333.671)	43.992.914.561	(16.092.024.343)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm(02=02.1-02.2)	2	22	42.390.584.671	52.083.393.538	120.824.970.414	146.966.117.463
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1		41.764.646.529	41.293.437.391	117.387.864.576	121.719.634.555
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2		(625.938.142)	(10.789.956.147)	(3.437.105.838)	(25.246.482.908)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	3		71.322.076.713	42.374.821.795	183.287.087.975	126.154.879.314
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	4		4.282.627.878	5.387.098.160	12.223.935.284	11.730.303.634
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		4.154.577.514	5.365.309.781	11.520.728.049	11.694.398.859
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		128.050.364	21.788.379	703.207.235	35.904.775
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		75.604.704.591	47.761.919.955	195.511.023.259	137.885.182.948
6. Chi bồi thường (11.1-11.2)	11		32.577.869.107	22.702.285.604	69.429.745.792	54.691.677.883
- Tổng chi bồi thường	11.1		32.577.869.107	22.702.285.604	69.429.745.792	54.691.677.883
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		15.410.449.058	7.941.879.712	21.151.368.628	16.425.560.118
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận TBH	13		32.584.032.018	7.876.880.638	66.419.986.021	13.835.621.884
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		25.835.437.744	2.356.466.396	46.077.448.320	6.210.335.941
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15= 11-12+13-14)	15	23	23.916.014.323	20.280.820.134	68.620.914.865	45.891.403.708
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		942.121.045	484.704.527	2.307.168.094	1.278.477.928
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm(17=17.1+17.2)	17	24	48.990.269.216	27.940.630.055	124.214.126.804	74.894.256.289
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		5.603.943.163	4.257.196.105	15.381.567.682	14.399.684.012
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		43.386.326.053	23.683.433.950	108.832.559.122	60.494.572.277
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		73.848.404.584	48.706.154.716	195.142.209.763	122.064.137.925
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		1.756.300.007	(944.234.761)	368.813.496	15.821.045.023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

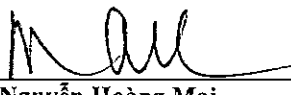
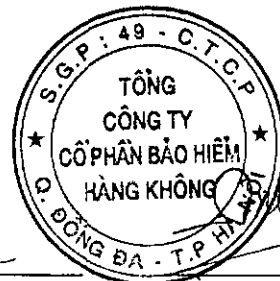
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Mẫu số B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015 (Phân loại lại)
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	10.165.248.840	11.021.323.233	31.522.846.185	34.796.590.676
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	26	4.376.591.394	5.697.323.877	6.561.728.132	16.669.860.314
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		5.788.657.446	5.323.999.356	24.961.118.053	18.126.730.362
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	8.350.778.126	6.401.316.550	23.281.207.797	21.321.202.110
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		(805.820.673)	(2.021.551.955)	2.048.723.752	12.626.573.275
23. Thu nhập khác	31		31.002.269	21.713.107	105.861.066	41.225.798
24. Chi phí khác	32		37.081.951	(50.975.352)	44.173.233	226.378.363
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.079.682)	72.688.459	61.687.833	(185.152.565)
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(811.900.355)	(1.948.863.496)	2.110.411.585	12.441.420.710
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	(217.519.836)	(244.255.732)	347.081.141	2.911.090.150
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50- 51-52)	60		(594.380.519)	(1.704.607.764)	1.763.330.444	9.530.330.560


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kê toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

MÀU SỐ B 03a-DNPNT

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
		2016	2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	415.739.847.196	335.047.135.327
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(328.836.070.618)	(302.380.127.915)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(40.797.252.759)	(22.885.791.781)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	-	(7.274.972.676)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	129.444.896.897	9.645.711.156
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(396.529.343.132)	(29.012.185.094)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(220.977.922.416)	(16.860.230.983)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.416.338.182)	(2.056.224.076)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.000.111	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(531.919.609.827)	(489.000.000.022)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	546.654.251.931	428.697.638.922
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.434.916.326	23.077.000.313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30.757.220.359	(39.281.584.863)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	90.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.000.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(149.220.702.057)	(56.141.815.846)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	212.146.243.133	154.727.820.786
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(278.541.004)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	62.644.000.072	98.586.004.940

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 500 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 470 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 276 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hai mươi một (21) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vinh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Sở Giao dịch.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 tới ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2016, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Tổng Công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u> <u>đến ngày 30/9/2016</u> (Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

Dự phòng phí chưa được hưởng: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) được hạch toán khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các kỳ sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.356.443.109	813.983.122
Tiền gửi ngân hàng	61.191.828.324	96.332.260.011
Tiền đang chuyển	98.728.639	-
Các khoản tương đương tiền (i)	-	115.000.000.000
	<u>62.647.000.072</u>	<u>212.146.243.133</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	318.961.028.707	(2.254.055.803)	296.518.665.960	(5.060.825.867)
a) Chứng khoán kinh doanh	37.961.028.707	(2.254.055.803)	34.518.665.960	(5.060.825.867)
- Tổng giá trị cổ phiếu	37.961.028.707	(2.254.055.803)	34.518.665.960	(5.060.825.867)
b) Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	281.000.000.000	-	262.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	245.000.000.000	-	262.000.000.000	-
- Trái phiếu (iii)	36.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	197.563.640.069		227.990.000.000	
a) Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	226.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	2.000.000.000	-	190.000.000.000	-
- Trái phiếu (iii)	-	-	36.000.000.000	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	195.563.640.069	-	1.990.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	1.990.000.000	-	1.990.000.000	-
- Các khoản đầu tư khác (iv)	193.573.640.069	-	-	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.
- (ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (iii) Bao gồm khoản đầu tư vào trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam với mệnh giá 36.000.000.000 VND, thời hạn 10 năm. Trái phiếu đáo hạn tại ngày 06 tháng 6 năm 2017, lãi suất danh nghĩa 9,2%/năm.
- (iv) Thẻ hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm và khoản đầu tư mua 2.751.000 cổ phiếu OTC của Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Thống Nhất với số tiền 134.860.850.069 VND; khoản đầu tư mua 1.276.365 cổ phiếu OTC của Công ty CP Armephaco với số tiền 58.712.790.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	23.044.993.752	43.783.748.704
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	18.514.333.769	14.120.199.858
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	4.530.659.983	29.663.548.846
+ Công ty bảo hiểm PVI	3.835.764.093	29.050.314.098
+ Công ty bảo hiểm khác	694.895.890	613.234.748
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	16.873.245.125	12.559.434.710
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	18.551.726.392	20.894.249.464
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp đồng bảo	759.793.160	1.473.338.932
e) Phải thu khác	663.731.881	597.346.639
	59.893.490.310	79.308.118.449

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	17.855.827.775	18.731.541.665
Phải thu lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	1.313.360.812	1.876.800.000
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	46.662.595.121	46.662.595.121
Phải thu khác	-	926.157
	65.831.783.708	67.271.862.943

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 30.251.110.969 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 10).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	247.358.402.527	1.407.535.642
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	240.055.391.491	53.000.000
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội (i)	90.009.000.000	
- Ông Lê Minh Thăng (ii)	150.009.000.000	
- Khác	55.391.491	53.000.000
Tạm ứng cho cán bộ	6.906.492.734	1.006.157.665
Khác	396.518.302	348.377.977
b) Dài hạn	9.110.097.112	7.179.875.928
Ký quỹ bảo hiểm	7.000.000.000	6.000.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược khác	2.110.097.112	1.179.875.928
	256.468.499.639	8.587.411.570

(i) Thể hiện khoản đặt cọc còn lại cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo Hợp đồng môi giới trái phiếu số 01.2016/MGTP/VNI-SHS có thời hạn từ ngày 29 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phí giữ cọc là 8,5%/năm trên tổng số tiền thực giữ.

(ii) Thể hiện khoản đặt cọc cho ông Lê Minh Thăng theo Thỏa thuận tìm kiếm trụ sở Văn phòng số 01/2016/TTĐC/VNI-LE MINH THANG với thời hạn tìm kiếm địa điểm trụ sở tối đa đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Khoản đặt cọc này không có tài sản đảm bảo hay nghĩa vụ bảo lãnh nào từ ông Lê Minh Thăng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***10. NỢ XẤU**

	30/09/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	58.940.221.890	40.711.865.997	58.683.240.707	40.580.474.549
Các đối tượng khác	46.662.595.121	33.272.401.590	46.662.595.121	33.272.401.590
	12.277.626.769	7.439.464.407	12.020.645.586	7.308.072.959

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2016:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng nợ
Phí bảo hiểm gốc	147.946.449	496.353.524	600.349.073	2.939.678.230	4.184.327.276
Phải thu tái bảo hiểm	4.161.314.031	2.253.002.640	889.657.407	789.325.415	8.093.299.493
Cộng	4.309.260.480	2.749.356.164	1.490.006.480	3.729.003.645	12.277.626.769

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Năm 2015 VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
Số dư đầu năm	8.692.614.003	10.084.462.832
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	8.621.508.897	8.693.718.912
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(6.566.996.590)	(10.085.567.741)
Số dư cuối kỳ	10.747.126.310	8.692.614.003
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối quý VND	Số cuối năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.441.268.218	715.026.506
	1.441.268.218	715.026.506
	12.188.394.528	9.407.640.509

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	66.541.797.366	69.978.903.204
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	94.308.589.675	48.231.141.355
	160.850.387.041	118.210.044.559

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2016	7.785.453.232	10.173.185.719	17.958.638.951
Tăng trong kỳ	2.592.601.818	592.827.272	3.185.429.090
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2016	10.378.055.050	10.766.012.991	21.144.068.041
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2016	4.275.874.375	8.715.347.959	12.991.222.334
Khấu hao trong kỳ	856.954.080	461.654.311	1.318.608.391
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2016	5.132.828.455	9.177.002.270	14.309.830.725
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2016	3.509.578.857	1.457.837.760	4.967.416.617
Số dư tại ngày 30/09/2016	5.245.226.595	1.589.010.721	6.834.237.316

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 9.174.298.009 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.240.378.718 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính, website VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.310.350.000	1.310.350.000
Tăng trong kỳ	-	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0
Số dư tại ngày 30/09/2016	1.310.350.000	1.310.350.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.188.839.264	1.188.839.264
Tăng trong kỳ	46.595.070	46.595.070
Giảm trong kỳ		0
Số dư tại ngày 30/09/2016	1.235.434.334	1.235.434.334
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 01/01/2015	121.510.736	121.510.736
Số dư tại ngày 30/09/2016	74.915.666	74.915.666

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 1.000.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: là 1.000.000.000 VND).

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	67.000.000.000	67.000.000.000	-	-
	67.000.000.000	67.000.000.000	-	-

(*) Thể hiện khoản rút vốn trong hạn mức thấu chi từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 0206/2016/HĐHMTCP-PN/SHB-110200 ngày 02 tháng 6 năm 2016. Thời hạn của khoản vay từ ngày 08 tháng 6 năm 2016 đến ngày 03 tháng 01 năm 2017. Khoản vay được bảo đảm bởi các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, và chịu lãi suất 7,67%/năm. Lãi vay được trả khi kết thúc thời hạn vay. Đến 30/9/2016, Tổng Công ty đã trả gốc trước thời hạn 23.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội. CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	62.729.665.913	93.626.466.127
<i>Công ty Willis Singapore</i>	<i>34.474.772.786</i>	<i>38.459.444.987</i>
<i>Công ty Willis London</i>	<i>9.052.830.334</i>	<i>38.710.706.146</i>
<i>Các công ty bảo hiểm khác</i>	<i>19.202.062.793</i>	<i>16.456.314.994</i>
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	2.950.329.211	4.809.925.988
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	16.763.482.412	26.007.942.265
<i>Tổng công ty hàng không Việt Nam</i>	<i>0</i>	<i>16.479.512.561</i>
<i>Tổng công ty tái bảo hiểm Việt Nam</i>	<i>3.776.707.771</i>	<i>3.839.394.133</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>12.986.774.641</i>	<i>5.689.035.571</i>
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	2.003.115.519	1.553.063.443
e) Phải trả khác	3.035.377.903	3.086.002.263
	87.481.970.958	129.083.400.086

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a. Số phải thu	590.873.707	937.954.848
Thuế thu nhập doanh nghiệp	590.873.707	937.954.848
b. Số phải trả	7.770.513.482	5.226.920.470
Thuế giá trị gia tăng	6.041.035.389	3.180.596.261
Thuế thu nhập cá nhân	246.583.687	198.103.505
Thuế khác	38.249.737	928.455
Thuế, phí phải nộp khác	1.444.644.669	1.847.292.249

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	9 tháng năm 2016 VND	Năm 2015 VND
(1) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
Số dư đầu kỳ	5.861.510.364	9.722.136.820
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	5.583.098.113	5.861.510.364
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(4.093.840.224)	(9.722.136.820)
Số dư cuối kỳ	7.350.768.253	5.861.510.364
(2) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Phải trả Bảo hiểm xã hội	125.824.424	3.155.778
Phải trả Bảo hiểm y tế	16.366.331	2.213.798
Phải trả kinh phí Công đoàn	388.367.194	268.481.365
Phải trả cho các cổ đông	214.413.900	20.714.413.900
Phải trả khác	1.338.710.723	420.132.324
	2.083.682.572	21.408.397.165
	9.434.450.825	27.269.907.529

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

	30/09/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
1. Dự phòng bồi thường	156.767.028.367	94.308.589.675	62.458.438.692
Trong đó:			-
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	143.948.749.079	90.074.884.180	53.873.864.899
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo IBNR	12.818.279.288	4.233.705.495	8.584.573.793
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	207.556.077.131	66.541.797.366	141.014.279.765
Cộng	364.323.105.498	160.850.387.041	203.472.718.457

Trong đó chi tiết:

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
1. Dự phòng bồi thường			
Số dư tại ngày 01/01/2016	90.347.042.346	48.231.141.355	42.115.900.991
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	66.419.986.021	46.077.448.320	20.342.537.701
Số dư tại ngày 30/09/2016	156.767.028.367	94.308.589.675	62.458.438.692

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
2. Dự phòng phí chưa được hưởng			
Số dư tại ngày 01/01/2015	163.563.162.570	69.978.903.204	93.584.259.366
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	43.992.914.561	(3.437.105.838)	47.430.020.399
Số dư tại ngày 30/09/2016	207.556.077.131	66.541.797.366	141.014.279.765

	9 tháng năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
3. Dự phòng dao động lớn		
Số dư đầu kỳ	31.431.550.285	29.607.597.710
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	2.307.168.094	1.823.952.575
Số dư cuối kỳ	33.738.718.379	31.431.550.285

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<i>Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc 30/9/2015</i>				
Số dư tại 01/01/2015	500.000.000.000	9.579.312.447	27.121.508.493	536.700.820.940
Lợi nhuận 9 tháng năm 2015			9.530.330.560	9.530.330.560
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)		476.516.528	(476.516.528)	-
Số dư tại 30/09/2015	500.000.000.000	10.055.828.975	36.175.322.525	546.231.151.500
<i>Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc 30/9/2016</i>				
Số dư tại 01/01/2016	500.000.000.000	9.892.570.140	5.951.896.171	515.844.466.311
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Lợi nhuận năm 2016			1.763.330.444	1.763.330.444
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)		88.166.522	(88.166.522)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(451.896.171)	(451.896.171)
Số dư tại 30/9/2016	500.000.000.000	9.980.736.662	1.675.163.922	511.655.900.584

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Chi tiết nguồn vốn kinh doanh:

	Vốn góp tại ngày 30/9/2016		Vốn góp tại ngày 31/12/2015	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần HUM	45.000.000.000	9%	45.000.000.000	9%
Công ty cổ phần hóa chất Công nghiệp Tân Long	45.000.000.000	9%	45.000.000.000	9%
Ông Phạm Ngọc Lâm	45.000.000.000	9%	45.000.000.000	9%
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	45.000.000.000	9%	45.000.000.000	9%
Công ty cổ phần Nam Việt			40.000.000.000	8%
Cổ đông khác	320.000.000.000	64%	280.000.000.000	56%
	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

Ngày 06 tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần Nam Việt đã thoái toàn bộ số vốn góp vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không cho các nhà đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016 VND	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015 VND
Thu phí bảo hiểm gốc	325.859.734.343	235.940.665.301
Bảo hiểm hàng không	74.928.601.013	86.620.994.732
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	10.474.734.370	7.200.308.885
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	17.053.650.827	10.720.780.628
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	16.371.869.505	10.248.467.424
Bảo hiểm xe cơ giới	186.517.370.635	103.884.514.025
Bảo hiểm cháy, nổ	12.479.769.490	9.503.992.720
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2.511.000.678	2.431.719.825
Bảo hiểm trách nhiệm chung	5.468.283.669	5.297.225.507
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	54.454.156	32.661.555
Các khoản giảm phí bảo hiểm gốc	(207.204.570)	(115.865.336)
Phí nhận tái bảo hiểm	22.612.990.775	21.209.386.763
Bảo hiểm hàng không	38.567.453	4.529.154.749
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	7.428.806.251	0
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	9.262.599.684	10.220.229.552
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	169.642.561	108.419.757
Bảo hiểm cháy, nổ	4.099.853.560	3.694.122.275
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.498.104.104	2.509.832.085
Bảo hiểm trách nhiệm chung	63.125.268	138.767.860
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	52.291.894	8.860.485
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)	(160.547.598)	(5.214.294)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm Cộng	(43.992.914.561)	16.092.024.343
	304.112.058.389	273.120.996.777

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016 VND	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	117.387.864.576	121.719.634.555
Bảo hiểm hàng không	72.204.943.754	87.790.668.220
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	111.971.704	299.295.975
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	15.381.539.958	10.059.128.672
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	11.077.693.056	5.992.809.633
Bảo hiểm xe cơ giới	2.731.933.153	1.401.282.738
Bảo hiểm cháy, nổ	11.980.382.692	11.678.603.829
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.561.374.781	1.999.987.602
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2.270.547.769	2.465.135.244
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	67.477.709	32.722.642
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm Cộng	3.437.105.838 120.824.970.414	25.246.482.908 146.966.117.463

23. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016 VND	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015 (Phân loại lại) VND
Chi bồi thường	69.429.745.792	54.691.677.883
Bảo hiểm hàng không	16.543.642.794	12.730.870.126
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	3.578.933.286	2.567.621.481
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	4.349.691.115	5.653.706.754
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	595.363.605	2.046.748.272
Bảo hiểm xe cơ giới	38.689.917.652	29.198.844.558
Bảo hiểm cháy, nổ	4.057.290.292	685.251.382
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.331.278.345	1.401.988.656
Bảo hiểm trách nhiệm chung	283.628.723	392.057.952
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	14.588.702
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(21.151.368.628)	(16.425.560.118)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	66.419.986.021	13.835.621.884
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm Cộng	(46.077.448.320) 68.620.914.865	(6.210.335.941) 45.891.403.708

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

24. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	15.381.567.682	14.399.684.012
Chi đòi người thứ 3	135.635.488	-
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	11.359.428	29.386.363
Chi để phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	699.599.700	992.422.375
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	55.453.913.412	34.413.029.879
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	51.067.196.575	23.935.698.546
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	1.242.550.060	877.954.949
Chi phí khác	222.304.459	246.080.165
Cộng	124.214.126.804	74.894.256.289

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.694.349.276	30.039.407.236
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	11.246.870.287	3.725.973.005
<i>Lãi trái phiếu</i>	<i>3.483.709.694</i>	<i>3.474.509.694</i>
<i>Thu lãi đầu tư cổ phiếu</i>	<i>7.763.160.593</i>	<i>251.463.311</i>
Cổ tức được chia	1.062.762.000	743.481.913
Lãi chênh lệch tỷ giá	260.531.289	287.686.328
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>260.531.289</i>	<i>287.686.328</i>
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.258.333.333	42.194
	31.522.846.185	34.796.590.676

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	217.020.754	658.851.382
Chi phí kinh doanh chứng khoán	7.113.736.716	8.766.442.926
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(2.806.770.064)	5.576.051.400
Chi phí lãi vay	1.759.199.722	
Chi phí hoạt động tài chính khác	0	1.668.514.606
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	278.541.004	
	6.561.728.132	16.669.860.314

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.050.790.978	10.712.379.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.717.590.560	6.757.081.182
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	131.391.448	77.962.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	515.571.825	1.504.938.685
Chi phí dụng cụ văn phòng	142.520.366	82.393.821
Chi phí vật liệu quản lý	720.887.660	396.702.194
Thuế, phí và lệ phí	267.123.380	939.785.494
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	445.049.976	798.337.572
Chi phí quản lý khác	190.281.604	51.621.182
	23.281.207.797	21.321.202.110

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2016	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 3/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.110.411.585	12.441.420.710
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.062.762.000)	(743.481.913)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	687.756.121	1.534.289.158
Thu nhập chịu thuế	1.735.405.706	13.232.227.955
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	347.081.141	2.911.090.150

29. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
I. Biên khả năng thanh toán (I = (1) – (2) – (3))	355.790.729.159	450.788.366.648
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	511.655.900.584	515.844.466.311
2. Tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	36.027.950.296	24.863.701.102
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	119.837.221.129	40.192.398.561
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu (Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b))	71.316.143.658	47.464.201.034
(a). 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại	71.316.143.658	47.464.201.034
(b). 12,5% tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	53.075.138.128	41.690.638.063
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	284.474.585.501	403.324.165.613
Theo tỷ lệ phần trăm	499%	950%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được soát xét.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Nội dung	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015		
		Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	73.004.250.475	1.890.005.814	74.894.256.289
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	58.604.566.463	1.890.005.814	60.494.572.277
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.400.004.057	(2.078.801.947)	21.321.202.110
3. Chi phí khác	32	37.582.230	188.796.133	226.378.363

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểuNguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016

